

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐH
TỈNH BẠC LIÊU**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 39/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 07-5-2019
V/v “Tranh chấp ly hôn”.

**NH DAH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐH, TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Ngọc Diễm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Nhâm
2. Ông Nguyễn Thanh Tiền

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị An, Thư ký Tòa án nhân dân huyện ĐH.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện ĐH, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên
tòa: Ông Trần Đăng Khoa-Kiểm sát viên.*

Ngày 07 tháng 5 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện ĐH, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 81/2019/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2019 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị Thúy A, sinh năm 1990

Địa chỉ: Ấp TH I, xã LĐ, huyện ĐH, tỉnh Bạc Liêu.

2. *Bị đơn:* Anh Lê Văn M, sinh năm 1986

Địa chỉ: Ấp TH I, xã LĐ, huyện ĐH, tỉnh Bạc Liêu.

(Chị A có đơn xin xét xử vắng mặt, anh M vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Lê Thị Thúy A trình bày: Sau thời gian tìm hiểu, chị và anh M được gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tại địa phương. Ngày 10/02/2015 vợ chồng chị đăng ký kết hôn tại Ủy ban NH dân xã LĐ. Sau thời gian chung sống hạnh phúc thì vợ chồng chị nảy sinh mâu thuẫn dẫn đến không còn sống chung,

không liên lạc từ nhiều năm nay. Chị cảm thấy cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên yêu cầu được ly hôn với anh Lê Văn M.

Anh Lê Văn M được triệu tập nhiều lần nhưng vắng mặt. Đại diện địa phương không xác định được tình trạng hôn nhân của chị A và anh M như thế nào. Tòa án cũng không tiến hành ghi lời khai của anh M được.

Về con chung: Chị A xác định vợ chồng chị có 02 người con chung tên Lê Khánh B, sinh ngày 16/8/2011 và Lê Khả H, sinh ngày 16/8/2011. Hiện nay cả 02 cháu H và B đang sống cùng chị, khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cả 02 cháu và không yêu cầu anh M cấp dưỡng.

Ý kiến của cháu Lê Khả H và Lê Khánh B đều xác định hiện nay đang sống cùng mẹ, có cuộc sống ổn định. Khi cha mẹ ly hôn thì các cháu có nguyện vọng tiếp tục sống cùng mẹ.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị M xác định không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của kiểm sát viên:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa.

Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Nguyên đơn chấp hành đúng quy định tại các Điều 70 và 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành đúng quy định tại điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị áp dụng Điều 28, Điều 35, Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 51, Điều 53, Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Lê Thị Thúy A đối với anh Lê Văn M. Giao cháu Lê Khánh B, sinh ngày 16/8/2011 và Lê Khả H, sinh ngày 16/8/2011 cho chị Lê Thị Thúy A tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Lê Văn M được quyền thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở. Buộc chị Lê Thị Thúy A phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1]Về thủ tục tố tụng: Chị Lê Thị Thúy A có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, Anh Lê Văn M được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị A và anh M.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Thúy A và anh Lê Văn M có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Hôn nhân giữa chị A và anh M là tự nguyện và hợp pháp. Chị A xác định hiện nay vợ chồng chị không còn chung sống với nhau, không còn yêu thương nhau nên yêu cầu được ly hôn với anh M. Hội đồng xét xử xét thấy, thực tế vợ chồng chị A đã không còn chung sống với nhau từ nhiều năm nay, không còn liên lạc hay quan tâm lẫn nhau, đời sống hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị Thúy A.

[3] Về con chung: Hiện nay các cháu Lê Khánh B, sinh ngày 16/8/2011 và Lê Khả H, sinh ngày 16/8/2011 đang sống cùng chị Lê Thị Thúy A. Nguyên vọng của các cháu cũng muốn được tiếp tục sống cùng mẹ. Đây là ý chí tự nguyện của cháu H và cháu B, không ai dụ dỗ hay ép buộc. Hội đồng xét xử xét thấy cần tiếp tục giao cháu H và cháu B cho chị A chăm sóc, nuôi dưỡng nhằm đảm bảo sự phát triển bình thường về mặt tâm lý cũng như ổn định về môi trường sống của các cháu.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Lê Thị Thúy A xác định không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết.

[5] Những phân tích, nhận định và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với tài liệu chứng cứ cũng như phân tích, đánh giá của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Về án phí: Nguyên đơn chị Lê Thị Thúy A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228, Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng: Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Lê Thị Thúy A xin ly hôn với anh Lê Văn M.

2. Về con chung: Giao cháu Lê Khánh B, sinh ngày 16/8/2011 và Lê Khả H, sinh ngày 16/8/2011 cho chị Lê Thị Thúy A tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Anh Lê Văn M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được quyền cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Lê Thị Thúy A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng. Chị A đã dự nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0012014 ngày 06/3/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện DH được chuyển thu án phí.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện DH;
- Cơ quan THA huyện DH;
- Lưu: HS; VT-TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Ngọc Diễm